

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hà Bắc)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	Văn phòng HĐND và UBND
2.	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	90	Văn phòng HĐND và UBND
3.	Tỷ lệ thủ tục hành chính do địa phương công bố, có đủ điều kiện, được cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	%	90	Văn phòng HĐND và UBND
4.	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến	%	80	Văn phòng HĐND và UBND
5.	Triển khai thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính do địa phương ban hành có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
6.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	%	80	Văn phòng HĐND và UBND
7.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
8.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
				UBND
9	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Văn phòng HĐND và UBND
10.	Cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết được quy định tại các TTHC do địa phương ban hành	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
11.	Cắt giảm thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ TTHC do địa phương ban hành so với năm 2025	%	50	Văn phòng HĐND và UBND
12.	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC do địa phương ban hành được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
13.	Thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử. Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
14.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
II.	Giai đoạn 2028 - 2030			
1.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành	%	≥ 95	Văn phòng HĐND và

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
	chính của người dân, doanh nghiệp			UBND
2.	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	≥ 90	Văn phòng HĐND và UBND
3.	Tỷ lệ thủ tục hành chính do địa phương công bố, có đủ điều kiện, được cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	≥ 90	Văn phòng HĐND và UBND
4.	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến	%	≥ 80	Văn phòng HĐND và UBND
5.	Triển khai thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính do địa phương ban hành có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
6.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	%	≥ 80	Văn phòng HĐND và UBND
7.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
8.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và UBND
9.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính	%	≥ 90	Văn phòng HĐND và UBND
10.	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Văn phòng HĐND và UBND